

Số: 40/2020/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 08 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Nghị quyết số 35/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1438/TTr-STC ngày 28 tháng 5 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“ Điều 2. Quy định về thủ tục nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa khi chuyển đổi từ đất trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp**

1. Việc nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 5a của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ là một thành phần của bộ hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định của Luật đất đai.

2. Thủ tục đối với người được nhà nước giao đất, cho thuê đất:

Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất lập bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa nước được nhà nước giao, cho thuê gửi hồ sơ đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường của địa phương (hoặc Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh nếu thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất thuộc Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh) theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ đề nghị xác định diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa.

Sau khi nhận được văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của cơ quan Tài nguyên và Môi trường (hoặc Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh) thì người được nhà nước giao đất, cho thuê đất gửi hồ sơ đến cơ quan Tài chính của địa phương đề nghị xác định số tiền nộp bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị xác nhận số tiền phải nộp theo mẫu quy định tại Phụ lục IV (đối với cơ quan, tổ chức) hoặc Phụ lục V (đối với hộ gia đình, cá nhân) ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ; văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của cơ quan Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

a) Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất gửi hồ sơ đề nghị xác nhận số tiền phải nộp cho Sở Tài chính kèm theo văn bản xác định diện tích đất chuyên trồng lúa của Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất gửi hồ sơ đề nghị xác nhận số tiền phải nộp cho Phòng Tài chính Kế hoạch kèm theo văn bản xác định diện tích đất chuyên trồng lúa của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

c) Riêng đối với các Quyết định của Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất gửi hồ sơ đề nghị xác nhận số tiền phải nộp cho Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp kèm theo văn bản xác định diện tích đất chuyên trồng lúa.

3. Trong thời gian 05 ngày làm việc, cơ quan Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh có văn bản xác nhận rõ diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa gửi đến người được nhà nước giao đất, cho thuê đất và đồng thời gửi cơ quan Tài chính cùng cấp văn bản xác nhận để làm căn cứ xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

4. Thủ tục đối với cơ quan xác định số tiền nộp bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

a) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của người được nhà nước giao đất, cho thuê đất; cơ quan Tài chính các cấp xác định và thông báo số tiền phải nộp cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo phân cấp; đồng thời thông báo đến Kho bạc Nhà nước cùng cấp để làm căn cứ hạch toán; trong đó:

- Sở Tài chính có trách nhiệm xác định và thông báo số tiền phải nộp đối với

các trường hợp quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thị xã và thành phố Huế có trách nhiệm xác định và thông báo số tiền phải nộp đối với các trường hợp quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền cấp huyện.

- Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh có trách nhiệm xác định và thông báo số tiền phải nộp đối với các trường hợp quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh.

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, cơ quan phát hành thông báo phải hướng dẫn cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất bổ sung, hoàn thiện và nộp lại hồ sơ.

5. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo số tiền phải nộp; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất làm thủ tục và nộp số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách theo quy định tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. Trường hợp quá thời hạn nộp theo thông báo, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất sẽ phải nộp thêm tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

6. Kho bạc Nhà nước căn cứ vào thông báo số tiền phải nộp của các cơ quan, thực hiện hạch toán vào thu ngân sách cấp tỉnh theo tài khoản số 7111, Chương là chương của đơn vị nộp tiền (nếu có), tiểu mục: 4914”.

2. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 3. Trách nhiệm của các Sở, ban ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Xác nhận thông tin địa chính diện tích đất trồng lúa nước cần phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa tại khoản 3 Điều 2 Quyết định này.

b) Thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

c) Hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa, đặc biệt đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn tỉnh; báo cáo số tiền thu bảo vệ và phát triển đất trồng lúa từ các tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành, địa phương có liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển đổi mục đích sử dụng.

b) Phối hợp với Sở Tài chính phân bổ kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo quy định.

### 3. Sở Tài chính:

a) Xác định và thông báo số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp tại điểm a khoản 4 Điều 2 Quyết định này.

b) Theo dõi, tham mưu phân bổ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

### 4. Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh:

a) Xác định diện tích đất chuyên trồng lúa quy định tại khoản 2 Điều 2; xác định và thông báo số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 2 Quyết định này.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và các cơ quan có liên quan quản lý chặt chẽ diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt.

c) Hàng năm, tổng hợp tình hình chuyển đổi đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp (diện tích và số tiền đã nộp) gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

### 5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế:

a) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận và chuyển hồ sơ thông tin địa chính diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa tại khoản 3 Điều 2 Quyết định này; đồng thời hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất trồng lúa tại địa phương gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chỉ đạo Phòng Tài chính Kế hoạch xác định và thông báo số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp tại điểm a khoản 4 Điều 2 Quyết định này.

c) Thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi hộ gia đình, cá nhân được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo đúng quy định.

d) Tổ chức công bố công khai và quản lý chặt chẽ đất trồng lúa nước theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất trồng lúa, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

đ) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bảo vệ diện tích, chỉ giới, chất lượng đất trồng lúa theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt.

e) Chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chấp hành đúng Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan.”

## **Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban ngành cấp tỉnh; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức; hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

## **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2020.

2. Bãi bỏ Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- VP: CVP, PCVP;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phương**